

BÁO CÁO

**Phục vụ khảo sát thực tế về dự án Luật Tài nguyên nước
trên địa bàn tỉnh Bình Định**

Kính gửi: Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường

Thực hiện Công văn số 1191/UBKHCNMT15 ngày 15/02/2023 của Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường về việc khảo sát thực tế về dự án Luật Tài nguyên nước; Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định xây dựng báo cáo phục vụ nội dung khảo sát thực tế về dự án Luật Tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Bình Định, cụ thể như sau:

A. CÔNG TÁC QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

I. QUY HOẠCH ĐIỀU TRA CƠ BẢN TÀI NGUYÊN NƯỚC

Bình Định thuộc khu vực thường xuyên thiếu nước về mùa khô, bị ngập lụt về mùa mưa. Trên các lưu vực sông tỉnh đã ban hành các quy hoạch sử dụng nước của các ngành như quy hoạch thủy lợi, thủy điện, cấp nước sinh hoạt, nuôi trồng thủy sản.

Ngày 01/8/2018, UBND tỉnh Bình Định ban hành Quyết định số 2584/QĐ-UBND về việc phê duyệt Quy hoạch tài nguyên nước tỉnh Bình Định đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035. Nội dung phân bổ và bảo vệ tài nguyên nước mặt với các mục tiêu: Phân bổ đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng của các ngành trong kỳ quy hoạch, Bảo vệ tài nguyên nước đảm bảo cho các mục đích sử dụng⁽¹⁾.

Ngày 03/6/2021, UBND tỉnh Bình Định ban hành Quyết định số 2219/QĐ-UBND về việc phê duyệt Danh mục, Bản đồ phân vùng hạn chế khai thác nước dưới đất và khu vực phải đăng ký khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Bình Định⁽²⁾.

II. KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC, BẢO ĐẢM CẤP NƯỚC CHO CÁC NHU CẦU SINH HOẠT, SẢN XUẤT, BẢO VỆ NGUỒN NƯỚC

Từ năm 2016 đến nay trên địa bàn tỉnh đã cấp 140 giấy phép thăm dò, khai thác tài nguyên nước (Bộ cấp 10 giấy phép, tỉnh cấp 130 giấy phép), bao gồm: 29 giấy phép thăm dò nước dưới đất; 90 giấy phép khai thác nước dưới đất; 21 giấy phép khai thác nước mặt. Phê duyệt 80 hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (Bộ 14 quyết định, tỉnh 66 quyết định) với tổng số tiền 127,5 tỷ đồng.

1. Hiện trạng cấp nước sinh hoạt

Đến nay toàn tỉnh đã xây dựng được 151 công trình cấp nước tập trung với tổng công suất 128.058 m³/ngày đêm, bao gồm: 21 công trình cấp nước đô

thị với công suất là 93.770 m³/ngày đêm và 130 công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn tập trung với công suất là 34.288 m³/ngày đêm⁽³⁾.

2. Công trình khai thác, sử dụng nước phục vụ cấp nước nông nghiệp

Trên địa bàn tỉnh có tổng số 164 hồ chứa nước thủy lợi, tổng dung tích chứa là 682 triệu m³ (ngoài ra hàng năm tỉnh Bình Định được bổ sung khoảng 800 triệu m³ nước từ công trình thủy điện An Khê - Kanak); 278 đập dâng nước trên sông; 286 trạm bơm, cấp nước cho 85% diện tích đất canh tác. Một số hồ chứa lớn như Định Bình 226 triệu m³, hồ Núi Một 110 triệu m³ và hồ Đồng Mít 90 triệu m³.

3. Hiện trạng cấp nước cho công nghiệp

Hiện nay, hầu hết các Khu công nghiệp, cụm công nghiệp (KCN-CCN) trên địa bàn tỉnh sử dụng nguồn nước dưới đất, KCN Nhơn Hòa sử dụng nước mặt từ hồ Núi Một (trước đây sử dụng nước dưới đất). Một số KCN-CCN được cung cấp nước từ hệ thống cấp nước tập trung như: Khu kinh tế Nhơn Hội, KCN Phú Tài.

4. Bảo vệ nguồn nước

UBND tỉnh Bình Định đã ban hành Quyết định số 1433/QĐ-UBND, ngày 04/05/2022 phê duyệt Danh mục 261 ao, hồ, đầm không được san lấp trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 5194/QĐ-UBND, ngày 21/12/2020 về việc phê duyệt Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ trên địa bàn tỉnh⁽⁴⁾.

III. PHÒNG CHỐNG HẠN HÁN, Ô NHIỄM NGUỒN NƯỚC

1. Phòng chống hạn hán; quan trắc, giám sát tài nguyên nước

- Tỉnh Bình Định thường xuyên chịu ảnh hưởng các loại thiên tai chính: bão, mưa lớn gây lũ lụt, sạt lở núi và hạn hán. Hạn hán xảy ra từ tháng 1 đến tháng 8 hàng năm, vào mùa khô, địa bàn tỉnh có lượng mưa ít⁽⁵⁾.

- Thời gian qua, Tỉnh ủy và UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo và triển khai nhiều biện pháp ứng phó với tình trạng hạn hán gắn liền với hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu⁽⁶⁾; trong đó, trữ đầy nước các hồ, điều tiết nước hợp lý vào mùa khô, chống thấm mất nước, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả.

- Bên cạnh việc xây dựng mới, nâng cấp các hồ chứa, đập dâng, trạm bơm, bê tông hóa kênh mương; hệ thống quan trắc trên địa bàn tỉnh tỉnh đã từng bước được đầu tư, nâng cấp, hoạt động ổn định. Mạng lưới các trạm quan trắc tự động lượng mưa chuyên dùng hiện có 74 trạm trên các lưu vực sông trên địa bàn tỉnh⁽⁷⁾. Các trạm quan trắc mực nước trên sông, quan trắc nguồn nước mặt các hồ chứa nước lớn, hiện thị theo thời gian thực tại trang <https://quantrac.pcttbinhdinhh.gov.vn>

2. Phòng chống ô nhiễm nguồn nước

- Hàng năm, UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện quan trắc chất lượng môi trường đất, nước, không khí với tần suất 2 đợt/năm (mùa khô, mùa mưa) để

đánh giá diễn biến chất lượng môi trường toàn tỉnh qua từng năm. Năm 2017, UBND tỉnh Bình Định đã ban hành Quyết định số 4848/QĐ-UBND về việc phê duyệt Quy hoạch mạng lưới quan trắc môi trường tỉnh Bình Định đến năm đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030⁽⁸⁾.

- Trên địa bàn tỉnh hiện có 05 KCN (gồm: KCN Phú Tài, KCN Long Mỹ, KCN Nhơn Hòa và KCN Nhơn Hội A, B) và 42 CCN đã đi vào hoạt động, với lượng nước thải khoảng 7.450 m³/ngày đêm, trong đó có 05/05 KCN và 08/42 CCN có phát sinh nước thải sản xuất và đã có hệ thống xử lý nước thải.

Đã xây dựng 02 nhà máy xử lý nước thải đô thị tại thành phố Quy Nhơn với tổng công suất thiết kế là 16.350 m³/ngày đêm và đang nâng công suất thêm 14.000 m³/ngày đêm.

Đối với nước thải sinh hoạt tại các đô thị khác, các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh chưa có hệ thống xử lý nước thải: UBND tỉnh đã chỉ đạo rà soát, xây dựng kế hoạch đầu tư hệ thống xử lý nước thải. Các đô thị mới phải xây dựng hệ thống xử lý nước thải đồng bộ.

IV. ĐIỀU HÒA PHÂN PHỐI NƯỚC

Tình trạng thiếu nước xảy ra cục bộ tại các tiểu vùng sông Hà Thanh, sông Thiện Chánh, sông La Tinh, đầm Trà Ổ và phụ cận. Các lưu vực này không có khả năng xây dựng hồ chứa lớn. Thời gian qua tỉnh đã thực hiện một số công trình chuyển nước đáp ứng một phần nhu cầu sử dụng nước tại các vùng thiếu nước như hệ thống đập dâng, kênh mương Văn Phong⁽⁹⁾.

Hiện nay về mùa khô khu vực huyện Phù Mỹ còn thiếu nước, xét về khả năng nguồn nước lưu vực sông Lại Giang (phía Bắc huyện Phù Mỹ) khá dồi dào, đặc biệt là sau khi có hồ Đồng Mít có thể đảm bảo cấp đủ lượng nước cho nhu cầu sử dụng nước trên lưu vực huyện Phù Mỹ. Tuy nhiên, việc đầu tư xây dựng công trình chuyển nước này cần nhiều kinh phí (do phải đi qua đèo Phú Cũ) và cần tính toán về lợi ích kinh tế.

V. VIỆC ĐẦU TƯ KINH PHÍ, NGUỒN LỰC TRONG XÂY DỰNG CÁC CÔNG TRÌNH KHAI THÁC, SỬ DỤNG

Từ năm 2017 đến nay, tỉnh Bình Định đã triển khai đầu tư xây dựng nhiều hạng mục công trình thủy lợi hồ, đập, kênh thủy lợi nhằm sử dụng nước tiết kiệm hiệu quả, phòng chống thiên tai, ngăn mặn, đảm bảo cấp nước với tổng số tiền 3.657 tỷ đồng, như: Đập ngăn mặn sông Lại Giang, Đập dâng Văn Phong, Đập dâng Lão Tâm, Đập dâng suối Ba Cây, xã Canh Liên, sửa chữa 24 hồ chứa, xây dựng 118,51 km kênh mương, xây dựng 81,18 km đê kè⁽¹⁰⁾.

VI. THANH TRA, KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM TRONG LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC

Qua công tác chỉ đạo của Tỉnh ủy và UBND tỉnh; công tác tuyên truyền, kiểm tra, xử lý của các ngành đến nay các quy định của pháp luật tài nguyên nước từng bước đi vào hoạt động đời sống xã hội; các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh đã hình thành và nâng cao ý thức chấp hành quy định pháp luật, dần đi

đến chấm dứt tình trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước, hành nghề khoan nước dưới đất, xả nước thải vào nguồn nước không phép.

Từ năm 2016 đến nay, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tổ chức 6 đợt kiểm tra việc chấp hành quy định pháp luật tài nguyên nước đối với hoạt động khai thác nước, xả nước thải đối với 87 tổ chức, cá nhân, phát hiện xử lý vi phạm hành chính lĩnh vực tài nguyên nước 04 đơn vị với số tiền 487 triệu đồng, đồng.

V. CÁC KIẾN NGHỊ ĐỀ XUẤT

- Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường tăng cường công tác điều tra cơ bản tài nguyên nước và chuyển giao tài liệu điều tra cho tỉnh để quản lý vì hiện nay mới có khoảng 1/3 diện tích của tỉnh có tài liệu điều tra.

- Hiện nay, chưa có định mức kinh tế kỹ thuật, văn bản hướng dẫn kỹ thuật của Trung ương trong việc cấm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước trên thực địa nên việc triển khai nhiệm vụ này gặp một số khó khăn. Do vậy, kiến nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét ban hành quy định, văn bản hướng dẫn việc xây dựng, thẩm định đề cương, dự toán thực hiện nhiệm vụ cấm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước trên thực địa.

- Đề nghị cơ quan Trung ương, Luật tăng thẩm quyền cho cấp tỉnh trong việc cấp phép khảo sát và khai thác tài nguyên nước mặt và tài nguyên nước dưới đất. Hiện nay, cấp tỉnh cấp phép với lưu lượng dưới 3.000 m³/ngày/ đối với công trình khai thác nước dưới đất, dưới 50.000 m³/ngày/ đối với công trình khai thác nước mặt *(đa số công trình khai thác nước dưới đất ở nông thôn phục vụ cho các nhà máy nước sạch, lưu lượng lớn hơn 3.000 m³/ngày và nhỏ hơn 8.000 m³/ngày, có bãi giếng ven các sông là khai thác nước sông được bổ cập thường xuyên vào bãi giếng)*.

- Đề nghị chỉ làm thủ tục đăng ký khai thác nước mặt cho trường hợp các hồ chứa nước vừa và nhỏ (theo Luật Thủy lợi).

- Đề nghị quy định rõ hơn các trường hợp khai thác nước từ hệ thống kênh thủy điện, thủy lợi sử dụng cho mục đích khác phải lập hồ sơ cấp phép tài nguyên nước thì thời điểm tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước là khi nào, vừa rồi Nghị định số 02/2023/NĐ-CP của Chính phủ đã quy định phải cấp phép các trường hợp này nhưng không rõ về thời điểm tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

- Đối với vùng miền Trung cần phải tiếp tục khẳng định chỉ có xây dựng hồ chứa mới, đầu tư nâng cấp các hồ chứa đã có, tạo ra được nguồn nước cho mùa khô đồng thời giảm ngập cho hạ du.

- Cần đẩy mạnh đầu tư hạ tầng thông tin, ứng dụng công nghệ để quản lý, theo dõi, giám sát tài nguyên nước theo thời gian thực.

- Quản lý sông, quản lý lưu vực sông cần có một cơ quan quản lý chung, điều hòa, phân phối bảo vệ bền vững tài nguyên; chuyển rừng sản xuất trong các lưu vực các hồ chứa thành rừng phòng hộ.

- Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo Tổng cục Khí tượng thủy văn cần chia sẻ dữ liệu quan trắc về mưa, mực nước sông, dòng chảy theo thời gian thực phục vụ cho điều hành ứng phó thiên tai.

B. GÓP Ý CHO DỰ THẢO LUẬT TÀI NGUYÊN NƯỚC

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Bộ Tài nguyên và Môi trường và UBND tỉnh về việc góp ý dự thảo Luật Tài nguyên nước (sửa đổi); sau khi lấy ý kiến của các ngành, Sở Tài nguyên và Môi trường đã có Văn bản số: 2911/STNMT-TNN ngày 19/10/2022 về việc tham gia góp ý Dự thảo Luật Tài nguyên nước⁽¹¹⁾. Một số nội dung đề nghị Ban soạn thảo xem xét:

- Việc quy định duy trì dòng chảy tối thiểu đối với các hồ chứa nhỏ là chưa hợp lý vì các hồ chứa nhỏ về mùa khô thường cạn nước.

- Hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước làm suy giảm chức năng của nguồn nước, gây sụt, lún đất, suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm, nhiễm mặn nguồn nước ngoài trách nhiệm khắc phục hậu quả, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật đề nghị trong trường hợp cần thiết cần phải có biện pháp xử lý hành chính hoặc xử lý hình sự.

- Trường hợp sử dụng mặt nước hồ chứa để nuôi trồng thủy sản, kinh doanh du lịch, giải trí, điện mặt trời và các hoạt động khác cần có sự thống nhất giữa pháp luật thủy lợi và pháp luật tài nguyên nước để tránh chồng chéo.

- Để tăng cường công tác quản lý tài nguyên nước, thuận lợi dễ hiểu, dễ áp dụng, dễ thực hiện đề nghị Luật chỉ nên quy định 02 trường hợp trong khai thác, sử dụng nước là: i) khai thác với lưu lượng phải lập hồ sơ cấp phép, ii) các trường hợp còn lại kể cả khai thác nước mặt, nước dưới đất phải đăng ký khai thác, sử dụng tài nguyên nước (Luật 2012 và Luật dự thảo quy định 3 trường hợp: phải cấp phép, phải đăng ký và không phải cấp phép, không phải đăng ký).

UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: TNMT, NNPTNT, CT, XD;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu VT, K4, K10.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tuấn Thanh

- ⁽¹⁾ : Mục tiêu Quy hoạch tài nguyên nước: i) Phân bổ nguồn nước: Đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng của các ngành trong kỳ quy hoạch. Giai đoạn đến năm 2020 - 2025 - 2035 đáp ứng tổng nhu cầu sử dụng nước toàn tỉnh là: 1,26 - 1,35 - 1,48 tỷ m³/năm. ii) Bảo vệ tài nguyên nước: Đảm bảo mục tiêu chất lượng theo quy chuẩn hiện hành để phục vụ cho mục đích sử dụng nước sinh hoạt và các mục đích khác, phục vụ phát triển kinh tế xã hội, môi trường đến năm 2025 – 2035. iii) Đến năm 2035 các công trình khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước được kiểm soát 100% theo quy định của pháp luật.

- ⁽²⁾ : Theo Quyết định số 2219/QĐ-UBND, có 74/104 xã, phường, thị trấn thuộc vùng hạn chế khai thác nước dưới đất; 103/104 xã, phường, thị trấn thuộc khu vực phải đăng ký khai thác nước dưới đất.

- ⁽³⁾ : **Cấp nước đô thị:** Theo Quy hoạch cấp nước đô thị và khu công nghiệp tỉnh Bình Định đến 2035 thì hiện nay, tất cả các đô thị đều đã được đầu tư xây dựng nhà máy nước, các trạm cấp nước sạch tập trung. Trong 21 công trình cấp nước đô thị có 2 nhà máy cấp nước sạch cho thành phố Quy Nhơn và 19 công trình cấp nước sinh hoạt cho các cụm dân cư thị xã, thị trấn. Hầu hết, hệ thống cấp nước sạch đô thị có trên địa bàn tỉnh chủ yếu sử dụng nguồn nước dưới đất (nước dưới đất), chiếm 92,4%. Trong 21 công trình, có 04 công trình khai thác nguồn nước mặt từ các con sông, suối lớn

Cấp nước tập trung nông thôn: Cấp nước sinh hoạt nông thôn tập trung có 130 công trình với tổng công suất thiết kế là 44.534 m³/ngày đêm. Trong đó có 108 công trình khai thác, sử dụng nguồn nước mặt; 22 công trình khai thác, sử dụng nước dưới đất.

- ⁽⁴⁾ : theo Quyết định: các nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ trên địa bàn tỉnh bao gồm: 47 đoạn sông, suối; 5 hồ chứa thủy điện; 165 hồ chứa thủy lợi; 3 đầm; 12 hồ trong đô thị, khu dân cư tập trung và kế hoạch, thứ tự ưu tiên nguồn nước cần cấm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước.

- ⁽⁵⁾ : Hầu hết các lưu vực sông thường xảy ra khô hạn khi nắng nóng kéo dài. Các năm 1983, 1987, từ 1991 – 1993, 1998, 2014 – 2020, hạn hán liên tục xảy ra. Năm 2020, nắng nóng, khô hạn kéo dài từ tháng 01 đến đầu tháng 8/2020; nguồn nước trong các hồ chứa giảm nhanh, buộc phải dừng sản xuất lúa vụ Hè Thu 5.602 ha. Cung cấp nước sạch thiếu hụt, làm cho 159.780 người dân thiếu nước dùng.

- ⁽⁶⁾ : Các văn bản chỉ đạo ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai:

+ Chương trình hành động số 22-CTr/TU ngày 29/7/2019 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

+ Kế hoạch số 77-KH/TU ngày 09/7/2020 của Tỉnh ủy về triển khai thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai”.

+ Quyết định số 4708/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch triển khai Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 28/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu.

+ Kế hoạch số 27/KH-UBND ngày 09/3/2021 của UBND tỉnh về việc thực hiện “Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 21/01/2021 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03/6/2013 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường theo Kết luận số 56-KL/TW ngày 23/8/2019 của Bộ Chính trị”.

+ Quyết định số 3455/QĐ-UBND ngày 10/10/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt cập nhật Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Bình Định giai đoạn 2016 - 2020; Quyết định số 4000/QĐ-UBND ngày 28/9/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế

hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050 tỉnh Bình Định.

+ Quyết định số 3692/QĐ-UBND ngày 07/9/2020 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch Phòng, chống thiên tai giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh.

+ Quyết định số 3785/QĐ-UBND ngày 13/9/2021 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai đề án Phát triển các đô thị Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Bình Định.

+ Quyết định số 3985/QĐ-UBND ngày 25/9/2020 của UBND tỉnh phân công nhiệm vụ thực hiện Kế hoạch 77-KH/TU ngày 09/7/2020 của Tỉnh ủy về triển khai thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư Trung ương Đảng tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn tỉnh.

+ Quyết định số 1699/QĐ-UBND ngày 31/5/2022 của UBND tỉnh ban hành kế hoạch thực hiện đề án Bảo vệ và phát triển rừng vùng ven biển nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu và thúc đẩy tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh Bình Định.

+ Quyết định số 501/QĐ-UBND ngày 18/02/2022 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược Quốc gia phòng, chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh.

+ Quyết định số 1655/QĐ-UBND ngày 26/5/2022 của UBND tỉnh ban hành kế hoạch thực hiện Chiến lược Quốc gia cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Bình Định.

+ Quyết định số 1802/QĐ-UBND ngày 06/6/2022 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược Phát triển Lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Bình Định.

+ Quyết định số 2891/QĐ-UBND ngày 07/9/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành Cập nhật Kế hoạch Phòng, chống thiên tai giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Bình Định.

+ Quyết định số 2992/QĐ-UBND ngày 15/9/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành phương án ứng phó thiên tai tỉnh Bình Định năm 2022.

- ⁽⁷⁾ : Trạm quan trắc: trên lưu vực sông Côn - Hà Thanh có 35 trạm/diện tích lưu vực 3.809 km² (mật độ 109 km²/1 trạm); lưu vực sông La Tinh có 14 trạm/diện tích lưu vực 780 km² (mật độ 56 km²/1 trạm); lưu vực sông Lại Giang có 22 trạm/diện tích lưu vực 1.402 km² (mật độ 64 km²/1 trạm), lưu vực đầm Trà Ổ có 02 trạm và 01 trạm ở xã đảo Nhơn Châu, thành phố Quy Nhơn. Về trạm quan trắc tự động mực nước chuyên dùng hiện có 40 trạm: Trên lưu vực sông Côn - Hà Thanh có 15 trạm, lưu vực sông La Tinh có 13 trạm, lưu vực sông Lại Giang có 12 trạm. Trong 40 trạm trên, có 21 trạm quan trắc mực nước sông (sông Côn 8 trạm, sông Hà Thanh 4 trạm, sông La Tinh 06 trạm, sông Lại Giang 3 trạm) và 19 trạm quan trắc tự động mực nước hồ chứa.

Theo đó, giai đoạn đến năm 2025, thực hiện quan trắc tại 151 điểm gồm: 89 điểm quan trắc môi trường nước, 33 điểm quan trắc không khí, 29 điểm quan trắc môi trường đất và 04 trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt, không khí; giai đoạn năm 2030 bổ sung 02 trạm quan trắc tự động môi trường không khí và nước dưới đất.

- ⁽⁸⁾ : Mạng lưới quan trắc môi trường nước mặt gồm 43 điểm tại 04 LVS lớn và 01 số phụ lưu chính của các con sông lớn gồm: sông Côn, Lại Giang, La Tinh và Hà Thanh. Nhìn chung, qua kết quả quan trắc môi trường nước mặt từ 2016 đến nay cho thấy, chất lượng nước mặt trên địa bàn tỉnh vẫn còn tương đối tốt, tại một số vị trí có chỉ tiêu BOD, COD vượt quy chuẩn cho phép.

- ⁽⁹⁾ : Hiện trạng có một số công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh thực hiện nhiệm vụ điều hòa phân phối nước như:

+ Đập dâng Văn Phong thuộc vùng Trung sông Kôn cấp nước tưới cho các khu vực khác thuộc vùng Hạ sông Kôn, bao gồm: Các xã Bình Thuận, Tây An, Tây Vinh, huyện Tây Sơn; các xã Cát Hiệp, Cát Tân, Cát Trinh, Cát Tường, TT. Ngô Mỹ, huyện Phù Cát; xã Nhơn Mỹ, thị xã An Nhơn.

+ Hồ Núi Một thuộc vùng Hạ sông Kôn cấp nước tưới cho xã Bình Nghi, huyện Tây Sơn thuộc vùng Trung sông Kôn.

+ Các đập dâng Thanh Hòa 1, Bờ Nhì thuộc vùng Hạ sông Kôn cấp nước tưới cho xã Phước An, TT. Diêu Trì, TT. Tuy Phước, huyện Tuy Phước thuộc vùng sông Hà Thanh.

+ Đập dâng Lại Giang ngoài cấp nước tưới cho vùng Hạ Lại Giang còn cấp nước tưới cho các xã Tam Quan Nam, Hoài Hảo, Hoài Phú, Hoài Châu, thị xã Hoài Nhơn thuộc vùng sông Thiện Chánh.

Nhận định về việc chuyển nước giữa các lưu vực sông:

+ Nguồn nước trên lưu vực sông Lại Giang khá dồi dào, đặc biệt là sau khi có sự tham gia điều tiết của hồ Đồng Mít có thể đảm bảo cấp đủ lượng nước còn thiếu cho các nhu cầu sử dụng nước trên các vùng sông Thiện Chánh, sông La Tinh và Đầm Trà Ổ và phụ cận. Sau khi chuyển nước thì các vùng sông Thiện Chánh, sông La Tinh và Đầm Trà Ổ và phụ cận đảm bảo đủ nước phân bổ cho các ngành.

+ Nguồn nước trên lưu vực sông Kôn khá dồi dào do có sự điều tiết của các hồ chứa lớn như hồ Định Bình, Núi Một, Thuận Ninh, ngoài ra lưu vực sông còn nhận được một lượng nước tương đối lớn từ công trình thủy điện An Khê - Kanak chuyển từ lưu vực sông Ba sang. Lượng nước sau khi phân bổ cho các nhu cầu khai thác, sử dụng nước trên các vùng (Thượng sông Kôn, Trung sông Kôn và Hạ sông Kôn) còn thừa có thể đảm bảo cấp đủ lượng nước còn thiếu cho các nhu cầu sử dụng nước trên vùng sông Hà Thanh đảm bảo đủ nước phân bổ cho các ngành.

- ⁽¹⁰⁾: Kinh phí cho các công trình sử dụng nước:

+ Xây dựng công trình đập: Đập ngăn mặn sông Lại Giang, phục vụ tưới 155 ha, tổng mức đầu tư 211,208 tỷ đồng; Đập dâng Lão Tâm phục vụ tưới 1.320 ha, tổng mức đầu tư 123,30 tỷ đồng; Đập dâng suối Ba Cây, xã Canh Liên, huyện Vân Canh phục vụ tưới 30 ha, tổng mức đầu tư 13,253 tỷ đồng; Đập dâng Phú Phong, huyện Phú Phong phục vụ tưới 465 ha, tổng mức đầu tư 754,039 tỷ đồng.

+ Sửa chữa 24 hồ chứa có tổng diện tích tưới 2.794,30 ha, tổng kinh phí sửa chữa 336,24 tỷ đồng.

+ Xây dựng 118,51 km kênh mương, tổng kinh phí 681,012 tỷ đồng.

+ Xây dựng 81,18 km đê kè, tổng kinh phí 1.661, 536 tỷ đồng.

- ⁽¹¹⁾: Góp ý Luật Tài nguyên nước

1. Điều 11. Các hành vi bị nghiêm cấm

- Trong đó, có nội dung nghiêm cấm *phá hoại công trình phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra (khoản 6)*. Đề nghị bổ sung giải thích từ ngữ: *công trình phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra*, bao gồm những loại công trình nào.

- Khoản 4 Điều 11 quy định một trong những hành vi bị nghiêm cấm là “Lấp sông, đặt vật cản, chướng ngại vật, xây dựng công trình kiến trúc, trồng cây trái phép gây cản trở thoát lũ, lưu thông nước ở các sông, suối, hồ, kênh, rạch”. Theo quy định trên thì hành vi “lấp sông” là hành vi bị nghiêm cấm, vậy hành vi “lấp suối, hồ, kênh, rạch” có bị nghiêm cấm hay không, Ban soạn thảo nên cân nhắc đến quy định này trong Dự thảo.

2. Điều 24. Công bố, tổ chức thực hiện quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh, nguồn nước liên tỉnh

Khoản 1 Điều 24 quy định “*Chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày quy hoạch được phê duyệt, Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố quy hoạch, đăng tải thường xuyên, liên tục quy hoạch trên trang thông tin điện tử của Bộ Tài nguyên và Môi trường, đồng thời thông báo đến Bộ, ngành, địa phương liên quan. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thuộc lưu vực sông lập quy hoạch đăng tải thường xuyên, liên tục trên trang thông tin điện tử của địa phương*”. Tuy nhiên, để đảm bảo tính khả thi của quy định, Ban soạn thảo cần quy định cụ thể thời gian đăng tải quy hoạch là bao lâu kể từ ngày công bố quy hoạch, không thể đăng tải thường xuyên, liên tục không có thời gian dừng được.

Đồng thời, trong nội dung “*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thuộc lưu vực sông lập quy hoạch đăng tải thường xuyên, liên tục trên trang thông tin điện tử của địa phương*”, đề nghị bổ sung từ “*quy hoạch*” sau cụm từ “*đăng tải thường xuyên, liên tục*” để làm rõ nghĩa nội dung quy định. Quy định này sau khi chỉnh sửa là: “*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thuộc lưu vực sông lập quy hoạch đăng tải thường xuyên, liên tục quy hoạch trên trang thông tin điện tử của địa phương*” (chỉnh sửa phần in đậm, gạch chân).

3. Điều 28. Ngưỡng khai thác nước dưới đất

- Tại khoản 6 Điều 28 “*Tổ chức, các nhân là chủ hồ chứa, đập dâng phải thực hiện việc xác định dòng chảy tối thiểu sau hồ chứa, đập dâng, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, công bố dòng chảy tối thiểu*” đề nghị chỉnh sửa, bổ sung thành “*Tổ chức, các nhân là chủ hồ chứa, đập dâng phải thực hiện việc xác định dòng chảy tối thiểu sau hồ chứa, đập dâng, **kèm theo phương án vận hành, điều tiết dòng chảy tối thiểu** trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, công bố dòng chảy tối thiểu*”. Vì một số hồ chứa, đập dâng phục vụ cấp nước tưới nông nghiệp, nước sinh hoạt nhưng có dung tích nhỏ, do vậy, việc duy trì dòng chảy cần phải có phương án vận hành, điều tiết phù hợp với điều kiện thời tiết (đặc biệt là mùa nắng nóng, hạn hán) và nhu cầu sử dụng nước phía hạ du, đảm bảo khai thác, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả; trường hợp duy trì dòng chảy tối thiểu liên tục nhiều hồ chứa nhỏ sẽ không đủ nước để phục vụ mục đích chính phía hạ lưu.

4. Điều 32. Bảo vệ nước dưới đất

Khoản 4 Điều 32 quy định “*Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm khoanh vùng nước dưới đất nguy cơ bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm và thực hiện các biện pháp kiểm soát hoạt động khai thác, hạn chế khai thác nước dưới đất; ban hành, tổ chức thực hiện kế hoạch quản lý chất lượng nước dưới đất*”. Tuy nhiên, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 dự thảo Luật thì “*Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương*” được quy ước viết tắt là “*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh*”. Do đó, đề nghị Ban soạn thảo chỉnh sửa lại cho phù hợp.

5. Điều 35. Phòng, chống suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước

- Tại khoản 1 Điều 35 “*Quy hoạch đô thị, khu đô thị, khu dân cư tập trung ở nông thôn, khu du lịch, khu vui chơi giải trí, khu công nghiệp, khu kinh tế,.....phù hợp với khả năng đáp ứng nguồn nước trên cơ sở quy hoạch về tài nguyên nước;....*” đề nghị chỉnh sửa, bổ sung thành “*Quy hoạch đô thị, khu đô thị, khu dân cư tập trung ở nông thôn, khu du lịch, khu vui chơi giải trí, khu công nghiệp, khu kinh tế,.....phù hợp với khả năng đáp ứng nguồn nước trên cơ sở quy hoạch về tài nguyên nước, **quy hoạch tỉnh**;....*” Vì: khi xem xét khả năng đáp ứng nguồn nước để quy hoạch đô thị, khu đô thị, khu dân cư tập trung ở nông thôn, khu du lịch, khu vui chơi giải trí, khu công nghiệp, khu kinh tế,... dựa trên cơ sở quy hoạch tỉnh là phù hợp với tính chất quy mô.

- Khoản 2 Điều 35 quy định “*Hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước làm suy giảm chức năng của nguồn nước, gây sụt, lún đất, suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm, nhiễm mặn nguồn nước phải có trách nhiệm khắc phục hậu quả, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường*”

theo quy định của pháp luật”. Tuy nhiên, trong trường hợp cần thiết, hành vi khai thác, sử dụng tài nguyên nước làm suy giảm trầm trọng chức năng của nguồn nước, gây sụt, lún đất, suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm, nhiễm mặn nguồn nước cũng cần phải có biện pháp xử lý hành chính hoặc xử lý hình sự để đảm bảo công tác phòng, chống suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước. Đề nghị Ban soạn thảo cân nhắc đến vấn đề này trong Dự thảo.

6. Điều 57. Hồ chứa và khai thác, sử dụng nước hồ chứa, đập dâng

Tại khoản 6 quy định: “*Trường hợp sử dụng mặt nước hồ chứa để nuôi trồng thủy sản, kinh doanh du lịch, giải trí, điện mặt trời và các hoạt động khác có sử dụng mặt nước thì tổ chức, cá nhân sử dụng mặt nước hồ chứa phải được cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên nước cấp phép theo quy định của Luật này*”. Theo Luật Thủy lợi năm 2017, tại Điều 44 có quy định các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi phải có cấp phép (nuôi trồng thủy sản, hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ,..) do Bộ Nông nghiệp và PTNT, UBND cấp tỉnh cấp phép. Hiện nay đang có dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 129/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 Quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; trong đó quy định, mặt nước tại các hồ chứa thuộc tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.

Do đó, để phù hợp với Luật Thủy lợi, Nghị định về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; đồng thời, để đơn giản về thủ tục hành chính; đề nghị Ban soạn thảo thống nhất với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về cơ quan có thẩm quyền cấp phép trong trường hợp này.

7. Điều 64. Phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại của nước do thiên tai gây ra

“*Việc phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại của lũ, lụt, nước biển dâng, mưa đá, mưa axit và các tác hại khác của nước do thiên tai gây ra được thực hiện theo quy định của pháp luật về đê điều, phòng, chống lụt, bão và các quy định khác của pháp luật có liên quan*”. Đề nghị thay cụm từ **phòng, chống lụt, bão** bằng **phòng, chống thiên tai** vì hiện nay đã ban hành luật Phòng, chống thiên tai năm 2013.

8. Điều 65. Phòng, chống hạn hán, thiếu nước, lũ, lụt, ngập úng nhân tạo

Tại điểm b khoản 3 Điều 65 “*Các khu vực phải thực hiện thu trữ nước mưa gồm: khu vực đô thị thường xuyên xảy ra ngập úng do mưa, triều cường; khu vực khan hiếm nước, có nguồn nước bị ô nhiễm, xâm nhập mặn, suy thoái nghiêm trọng; khu vực khó khăn trong việc tiếp cận nguồn nước*” đề nghị, chỉnh sửa, bổ sung thành “*Các khu vực phải thực hiện thu trữ nước mưa gồm: khu vực đô thị thường xuyên xảy ra ngập úng do mưa, triều cường; khu vực khan hiếm nước, có nguồn nước bị ô nhiễm, xâm nhập mặn, suy thoái nghiêm trọng; **khu vực có mực nước hạ thấp quá mức**; khu vực khó khăn trong việc tiếp cận nguồn nước*”.

9. Điều 68. Bảo vệ lòng, bờ, bãi sông, hồ

Tại khoản 2 quy định: “*Các hoạt động sau đây trong phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước và lòng, bờ, bãi sông, hồ phải thực hiện đánh giá tác động và có phương án bảo vệ, phòng chống sạt lở lòng, bờ, bãi sông, hồ và được cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên nước có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản trước khi triển khai **trừ đoạn sông có đê thực hiện theo quy định pháp luật về đê điều***...”

Tại khoản 2 quy định, đối với đoạn sông có đê, thực hiện theo quy định pháp luật về đê điều; đề nghị bổ sung quy định rõ cơ quan có thẩm quyền chấp thuận đối với trường hợp các hoạt động trong phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước của hồ chứa thủy lợi.

10. Điều 82. Thẩm quyền cấp, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ, thu hồi giấy phép về tài nguyên nước và đăng ký khai thác, sử dụng nước

Đề nghị bổ sung từ “cấp lại” sau từ “cấp” trong tên của Điều 82 nhằm đảm bảo thống nhất giữa tên gọi và nội hàm quy định của Điều này. Tên của Điều 82 sau khi chỉnh sửa là: “Thẩm quyền cấp, cấp lại, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ, thu hồi giấy phép về tài nguyên nước và đăng ký khai thác, sử dụng nước” (chỉnh sửa phần in đậm, gạch chân).

11. Kỹ thuật trình bày

- Căn cứ ban hành: Đề nghị chỉnh sửa lỗi chính tả và trình bày đầy đủ tên “Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012” nhằm đảm bảo thống nhất với các mẫu văn bản quy phạm pháp luật ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP là “Căn cứ khác để ban hành, ghi đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu, cơ quan ban hành, ngày tháng năm ban hành văn bản và tên gọi của văn bản (riêng luật, pháp lệnh không ghi số, ký hiệu, cơ quan ban hành)”.

- Điều 85: Đề nghị chỉnh sửa lỗi chính tả đối với cách trình bày tên Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13.

12. Một số ý kiến trao đổi thêm

- Điểm mới của Dự thảo Luật Tài nguyên nước (sửa đổi) quy định trường hợp khai thác nước để phục vụ cấp nước cho sinh hoạt thuộc trường hợp phải nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (điểm b khoản 1 Điều 71). Tuy nhiên tại khoản 2 Điều 48 quy định một số trường hợp khai thác, sử dụng nước cho sinh hoạt không phải đăng ký, cấp phép.

Việc quy định như vậy có thể dẫn đến tình trạng mất công bằng trong các trường hợp khai thác sử dụng nước cho mục đích sinh hoạt không phải lập hồ sơ cấp phép và trường hợp phải lập hồ sơ cấp phép; vô tình tạo kẽ hở để người dân gia tăng việc khai thác nước cho sinh hoạt không thuộc trường hợp phải cấp phép. Đề nghị Ban soạn thảo cân nhắc lại điểm này.

- Khoản 2 Điều 48 quy định các trường hợp khai thác, sử dụng tài nguyên nước không phải đăng ký, cấp phép

Để tăng cường công tác quản lý tài nguyên nước; thống kê việc khai thác, sử dụng nước thuận lợi, dễ dàng Luật chỉ nên quy định 02 trường hợp: i) khai thác với lưu lượng phải lập hồ sơ cấp phép, ii) các trường hợp còn lại kể cả khai thác nước mặt, nước dưới đất phải đăng ký khai thác, sử dụng tài nguyên nước.

Và một số ý kiến về Điều 3. Giải thích từ ngữ

- Khoản 11 Điều 3 dự thảo Luật giải thích “Nguồn nước sinh hoạt là nguồn nước có chức năng cấp nước cho mục đích sinh hoạt hoặc có thể cấp cho mục đích sinh hoạt”. Cách giải thích như vậy trùng lặp ý và không rõ nghĩa nội dung quy định, đề nghị Ban soạn thảo chỉnh sửa lại cho phù hợp.

- Khoản 21 Điều 3 dự thảo Luật giải thích “An ninh nguồn nước là khả năng bảo đảm của nguồn nước về số lượng, chất lượng nước phục vụ dân sinh, các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội, môi trường”. Tuy nhiên, cách giải thích này chưa phù hợp giữa khái niệm “an ninh nguồn nước” với nội hàm của nó là “khả năng bảo đảm của nguồn nước về số lượng, chất lượng nước phục vụ dân sinh, các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội, môi trường”. Đề nghị Ban soạn thảo nghiên cứu, đưa ra cách giải thích khác phù hợp hơn với khái niệm “an ninh nguồn nước” hoặc đưa ra khái niệm khác phù hợp với nội dung giải thích mà Luật muốn hướng đến là “khả năng bảo đảm của nguồn nước về số lượng, chất lượng nước phục vụ dân sinh, các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội, môi trường”.

- Khoản 22 Điều 3 dự thảo Luật giải thích từ ngữ “Khai thác, sử dụng nước là hoạt động khai thác các tiềm năng, giá trị của nguồn nước để phục vụ dân sinh, phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường, ...”. Cách giải thích, sử dụng từ ngữ trong khái niệm để giải thích cho khái niệm là không phù hợp.